|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 25/2023/QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 5 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng**

**giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/9/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 và Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT* *ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 và* *Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số*[*50/2015/*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-50-2015-tt-bgtvt-huong-dan-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-tri-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-291880.aspx)*TT-BGTVT ngày 23/9/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số*[*11/2010/*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx)*NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;* *Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tuần đường, tuần kiểm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn về quản lý, vận hành đường giao thông nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, quá khổ giới hạn của đường bộ, lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ; Thông tư số 35/2013/TT-BGTVT ngày 21/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về xếp hàng hoá trên xe ô tô khi tham gia giao thông trên đường bộ.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 792/TTr- SGTVT ngày 14/4/2023; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 102/BC-STP ngày 03/4/2023; ý kiến biểu quyết thống nhất của Thành viên UBND tỉnh (lấy ý kiến trên Hệ thống gửi nhận điện tử và văn bản giấy).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực ngày kể từ ngày 09/6/2023 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận :***  - Như điều 2;  - Bộ Giao thông vận tải;  - Tổng cục Đường bộ Việt Nam;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - TT tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - MTTQ VN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Chánh, các Phó VP.UBND tỉnh;  - Đài PTTH tỉnh, báo Hà Tĩnh;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;  - Lưu: VT, GT. | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trần Báu Hà** | |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
|  |  | |

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông**

**đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023*

*của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, gồm: Đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường bộ trong khu kinh tế và đường chuyên dùng; phân cấp quản lý công trình đường bộ; xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng bằng xe cơ giới trên đường bộ; lưu hành xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn trên đường bộ thuộc hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với những nội dung không được đề cập trong Quy định này thực hiện theo quy định hiện hành.

**Chương II**

**TỔ CHỨC GIAO THÔNG, PHÂN LOẠI, ĐẶT TÊN VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 3. Tổ chức giao thông**

1. Tổ chức giao thông thực hiện theo khoản 1 Điều 37 Luật Giao thông đường bộ.

2. Trách nhiệm tổ chức giao thông thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Giao thông đường bộ, cụ thể như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên các hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý hoặc ủy quyền thực hiện theo quy định pháp luật.

**Điều 4. Phân loại đường bộ và phân cấp quản lý đường bộ**

1. Mạng lưới giao thông đường bộ địa phương được chia thành 5 (năm) hệ thống, gồm: Đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng.

a) Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

c) Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị xã và thị trấn.

d) Đường xã là đường theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành đường giao thông nông thôn.

e) Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Đường trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp là đường nằm trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp được cấp có thẩm quyền giao Ban quản lý KKT tỉnh quản lý.

3. Thẩm quyền phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ quy định khoản 2 Điều 39 Luật Giao thông đường bộ.

4. Nguyên tắc, nội dung đặt tên hoặc số hiệu đường: Điểm đầu, điểm cuối của đường tỉnh, đường huyện, được xác định theo hướng Bắc - Nam hoặc Đông - Tây hoặc từ trung tâm hành chính huyện đến trung tâm hành chính xã, thị trấn hoặc từ quốc lộ đến trung tâm hành chính huyện, xã, thị trấn (Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP).

5. Phân cấp quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

a) Hệ thống đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải quản lý; ngoài ra tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý một số công trình giao thông đường bộ khác trên địa bàn không thuộc hệ thống đường tỉnh.

b) Hệ thống đường huyện, đường đô thị (trừ đường tỉnh và đường trong khu kinh tế đi qua đô thị) do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và thị xã quản lý.

c) Hệ thống đường xã do Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn quản lý.

d) Hệ thống đường trong các Khu kinh tế, Khu công nghiệp thuộc tỉnh do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý.

e) Hệ thống đường chuyên dùng do chủ sở hữu đường chuyên dùng quản lý.

**Điều 5. Đặt tên, số hiệu đường bộ**

1. Thẩm quyền đặt tên, số hiệu đường bộ địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ. Đối với đường trong Khu kinh tế do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đặt tên.

2. Đặt tên hoặc số hiệu đường tỉnh, đường huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ, cụ thể:

a) Tên đường bộ bao gồm chữ “Đường” kèm theo tên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Luật Giao thông đường bộ; trường hợp đường đô thị trùng với đường tỉnh thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu đường tỉnh;

b) Số hiệu đường bộ gồm chữ viết tắt hệ thống đường bộ và số tự nhiên cách nhau bằng dấu chấm. Chữ viết tắt của các hệ thống đường bộ như sau: đường tỉnh (ĐT), đường huyện (ĐH). Trường hợp đặt một số hiệu cho nhiều đường tỉnh, đường huyện, đường trong cùng một địa phương thì kèm thêm một chữ cái lần lượt từ B đến Z, trừ đường bộ đầu tiên đặt số hiệu đó.

- Đặt số hiệu đường tỉnh:

Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh. Việc đặt số hiệu đường tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 34 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Đặt số hiệu đường huyện:

+ Mã số đường huyện là số tự nhiên gồm 2 chữ số từ 01 đến 99; mã số quy định đặt số hiệu đường huyện theo đơn vị hành chính như sau:

| **TT** | **Tên đơn vị hành chính hoặc loại đường** | **Mã số (để đặt số hiệu)** | **TT** | **Tên đơn vị hành chính hoặc loại đường** | **Mã số (để đặt số hiệu)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thành phố Hà Tĩnh | 01-05 | 8 | Huyện Hương Khê | 50-59 |
| 2 | Thị xã Hồng Lĩnh | 06-10 | 9 | Huyện Thạch Hà | 60-68 |
| 3 | Huyện Nghi Xuân | 11-17 | 10 | Huyện Lộc Hà | 69-75 |
| 4 | Huyện Can Lộc | 18-25 | 11 | Huyên Cẩm Xuyên | 76-85 |
| 5 | Huyện Đức Thọ | 26-34 | 12 | Huyện Kỳ Anh | 86-94 |
| 6 | Huyện Hương Sơn | 35-42 | 13 | Thị xã Kỳ Anh | 95-99 |
| 7 | Huyện Vũ Quang | 43-49 |  |  |  |

+ Đặt số hiệu quy định như sau: ĐH.x, trong đó: ĐH là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện; x là số mã số của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó.

3. Đặt tên hoặc số hiệu đường đô thị theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 4, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ.

4. Đặt tên đường xã được thực hiện theo điểm e khoản 1 Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Đặt tên đường trong Khu kinh tế thực hiện như quy định đặt tên đường huyện tại khoản 2 Điều này.

**Chương III**

**QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 6. Quản lý, bảo trì công trình giao thông đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường trong khu kinh tế và đường chuyên dùng**

Áp dụng theo quy định từ Điều 30 đến Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và theo phân cấp của UBND tỉnh.

**Điều 7. Quản lý, bảo trì và vận hành khai thác đường xã**

Thực hiện theo quy định từ Điều 30 đến Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

**Điều 8. Quản lý, bảo trì và vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 9. Quy định về tuần đường, tuần kiểm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Chương IV**

**BẢO VỆ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 10. Phạm vi đất dành cho đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ.

**Điều 11. Giới hạn hành lang an toàn công trình đường bộ**

Giới hạn hành lang an toàn đối với công trình đường bộ áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 12. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án (kể cả công trình cải tạo, nâng cấp và công trình xây dựng mới), chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do địa phương quản lý.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do Ban trực tiếp quản lý.

2. Trình tự, hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải thực hiện thủ tục gia hạn và chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 13. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác**

1. Thẩm quyền cấp giấy phép thi công

Trước khi khởi công công trình, chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép thi công đối với các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố cấp giấy phép thi công với các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do địa phương quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép thi công đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do Ban trực tiếp quản lý.

d) Đối với các công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường đô thị ngoài thực hiện cấp phép thi công theo quy đinh tại quyết định này còn phải thực hiện theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh hà tĩnh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Giấy phép thi công công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu quá thời hạn trên phải làm thủ tục cấp lại.

4. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

**Điều 14. Đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế**

1. Đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị.

b) Đường chuyên dùng gồm: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp.

c) Đường gom, đường nối từ đường gom.

d) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ.

2. Đường nhánh đấu nối vào các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế phải thông qua điểm đấu nối được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Thẩm quyền phê duyệt danh mục các điểm đấu nối:

- UBND tỉnh phê duyệt danh mục các điểm đấu nối vào đường tỉnh. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập danh mục các điểm đấu nối vào đường tỉnh trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phê duyệt danh mục các điểm đấu nối vào đường huyện và đường trong khu kinh tế sau khi có ý kiến của Sở Giao thông vận tải.

- Việc phê duyệt danh mục điểm đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường trong Khu kinh tế có thể thực hiện toàn bộ tuyến hoặc bổ sung đơn lẻ.

b) Đối với các đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh mà các đường nhánh này có trong quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt và hệ thống đường trục xã, liên xã nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã được UBND cấp huyện phê duyệt thì không phải thực hiện phê duyệt danh mục đấu nối vào đường tỉnh.

c) Đối với các đường nhánh đấu nối vào đường huyện mà các đường nhánh này có trong quy hoạch được UBND cấp huyện trở lên phê duyệt thì không phải thực hiện phê duyệt danh mục đấu nối.

d) Đối với các đường nhánh đấu nối vào đường trong Khu kinh tế thực hiện theo quy hoạch Khu kinh tế đã được phê duyệt.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối:

a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối đường nhánh cùng phía vào đường tỉnh như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị (phường, thị trấn): Khoảng cách giữa các điểm đấu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị (phường, thị trấn): Đối với các đường nhánh không thuộc trường hợp tại điểm b khoản 2 Điều 14, khoảng cách giữa các điểm đấu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau:

+ Đối với đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 1.000m/điểm.

+ Đối với đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 500m/điểm.

Đối với các trường hợp vị trí đấu nối không đảm bảo khoảng cách liền kề tối thiểu nhưng bị ảnh hưởng bởi yếu tố bất khả kháng như: khu vực điều kiện địa hình chia cắt bởi núi, sông; khu vực đông dân cư không thực hiện được việc xây dựng đường gom; các đường nhánh vào công trình có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các trường hợp đặc biệt khác phải do UBND tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

b) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối cùng phía vào đường huyện của các đường nhánh: Các địa phương căn cứ điều kiện thực tế và định hướng phát triển của địa phương để phê duyệt các điểm đấu nối vào đường huyện cho phù hợp.

c) Khoảng cách các điểm đấu nối của đường trong khu kinh tế theo quy hoạch chi tiết của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ô tô.

5. Chủ đầu tư công trình được giao sử dụng điểm đấu nối thuộc danh mục các điểm đấu nối đã được phê duyệt phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh), UBND cấp huyện (đối với đường huyện) và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với đường trong khu kinh tế) xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đấu nối và để cấp phép thi công theo quy định tại các Điều 15, Điều 16 của Quy định này.

6. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cho phép đấu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị vào thi công các dự án. Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh), UBND cấp huyện (đối với đường huyện) và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với đường trong khu kinh tế) xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đấu nối.

**Điều 15. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế**

1. Trước khi nâng cấp, cải tạo nút giao, chủ công trình, dự án căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh), UBND cấp huyện (đối với đường huyện), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với đường trong khu kinh tế, khu công nghiệp) để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối.

2. Trình tự, hồ sơ chấp thuận, gia hạn chấp thuận thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (thành phần hồ sơ trừ nội dung tại điểm c khoản 3 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT).

3. Đối với điểm đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường trong khu kinh tế thực hiện theo khoản 6 Điều 20 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế đã được Sở Giao thông vận tải (đối với dự án đấu nối vào đường tỉnh), UBND cấp huyện (đối với dự án đấu nối vào đường huyện), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đấu nối vào đường trong khu kinh tế) thẩm định hoặc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hoặc hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật thì không phải thực hiện bước chấp thuận thiết kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

5. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị 12 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá thời hạn trên, phải thực hiện việc gia hạn và chỉ gia hạn một (01) lần, thời gian không quá 12 tháng.

**Điều 16. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện và đường trong khu kinh tế**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đấu nối như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với đường tỉnh.

b) UBND cấp huyện đối với đường huyện.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đối với đường trong khu kinh tế.

2. Trình tự, hồ sơ cấp phép thi công xây dựng nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường trong khu kinh tế thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

5. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

**Điều 17. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh), UBND cấp huyện (đối với đường huyện), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với đường trong khu kinh tế) để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên đường bộ đang khai thác phải đề nghị Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh), UBND cấp huyện (đối với đường huyện), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với đường trong khu kinh tế) cấp Giấy phép thi công.

3. Hồ sơ trình tự, cách thức đề nghị cấp phép thi công thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

**Chương V**

**QUY ĐỊNH VỀ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ, LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH TRÊN ĐƯỜNG BỘ; VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG**

**Điều 18. Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ, giới hạn tải trọng trục xe, tổng trọng lượng xe và chiều cao, chiều rộng, chiều dài xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ**

Theo Điều 4, Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thông tư số 35/2013/TT-BGTVT ngày 21/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về xếp hàng hoá trên xe ô tô khi tham gia giao thông trên đường bộ.

**Điều 19. Quy định về công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải thực hiện công bố tải trọng và khổ giới hạn của đường địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với đường huyện, đường đô thị, đường trong các Khu kinh tế, đường xã, đường chuyên dùng, Sở Giao thông vận tải công bố tải trọng và khổ giới hạn trên cơ sở đề xuất của UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và chủ sử dụng đối với đường chuyên dùng (thời gian báo cáo về Sở Giao thông vận tải trước ngày 20/12 hàng năm).

3. UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư chịu trách nhiệm cập nhật tải trọng, khổ giới hạn cầu đường do mình quản lý; đồng thời có văn bản đề nghịSở Giao thông vận tải điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ.

4. Cầu trên các tuyến, đoạn tuyến đường bộ đã được công bố nhưng chưa được cải tạo, nâng cấp đồng bộ với tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đã được công bố, cơ quan quản lý đường bộ phải đặt biển báo hiệu giới hạn tải trọng, khổ giới hạn thực tế của cầu.

**Điều 20. Thủ tục cấp Giấy phép lưu hành xe**

Trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành xe qua tải trọng, quá khổ giới hạn, xe siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích tự hành trên đường bộ thực hiện theo quy đinh tại Điều 20, Điều 21 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 21. Thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe**

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép lưu hành xe hoạt động trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi cả nước theo quy định tại Điều 22 Thông tư 46/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Trường hợp đặc biệt phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình năng lượng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

**Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe**

Trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe trên đường bộ theo quy định tại Điều 23 Thông tư 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Chương VI**

**NGUỒN VỐN, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 23. Nguồn vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ**

1. Đối với hệ thống đường tỉnh được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách tỉnh, nguồn vốn khác và nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có).

2. Đối với đường đô thị được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách thành phố, thị xã, nguồn vốn khác và nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ (nếu có).

3. Đối với các tuyến đường cấp huyện, cấp xã được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách cấp huyện, cấp xã, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của địa phương và và nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ (nếu có).

4. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với đường chuyên dùng do chủ sở hữu công trình tự bố trí.

5. Đối với hệ thống đường trong khu kinh tế, khu công nghiệp do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác.

**Điều 24. Thanh toán, quyết toán**

Các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ có trách nhiệm quản lý, quyết toán theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

**Chương VII**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 25. Trách nhiệm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp**

1. Sở Giao thông vận tải

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Trực tiếp quản lý hệ thống đường tỉnh và các công trình khác theo phân cấp của UBND tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh và các chủ sở hữu khác thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc các tuyến đường tỉnh.

đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn khi có lệnh của Ban phòng chống lụt bão tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh; Cấp, thu hồi giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn cầu đường, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt đông trên các tuyến đường tỉnh và các công trình do Sở quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách địa phương; phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương tham mưu phương án phân bổ nguồn kinh phí được bố trí.

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị về thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Ban Quản lý KKT tỉnh

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền mình quản lý.

b) Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường bộ mình quản lý theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên do do Nhà nước ban hành; Tổng hợp đề xuất ngân sách cấp trên hỗ trợ kinh phí bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã trước 15/10 hằng năm (nếu có).

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

d) Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

đ) Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

e) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

g) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch hoạ.

h) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành.

i) Định kỳ hàng năm báo cáo hiện trạng về hệ thống giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý về Sở Giao thông vận tải trước ngày 20/12.

**Điều 26. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình và thẩm định các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình Thủy lợi, Đê điều, Phòng chống thiên tai có liên quan đến công trình đường bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc quản lý đất thuộc đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng chợ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công trình điện và các cơ sở kinh doanh khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn về thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; bố trí số người làm việc trong tổng số biên chế cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện vị trí việc làm quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương

7. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị, địa phương tham mưu bố trí nguồn ngân sách nhà nước phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị, địa phương tham mưu phương án phân bổ nguồn kinh phí bảo trì đường bộ được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn; chỉ đạo các doanh nghiệpviễn thông khi xây dựng các công trình viễn thông liên quan đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chủ trì thực hiện quy hoạch và xây dựng các công trình pa nô, quảng cáo…liên quan đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

10. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy Ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ.

d) Chỉ đạo các đơn vị cơ sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế các trường hợp vi phạm lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự giao thông, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

11. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ.

12. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu các công trình đường bộ chuyên dùng có trách nhiệm như quy định đối với các cơ quan quản lý đường bộ.

**Điều 27**. **Trách nhiệm của đơn vị quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. Lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác quản lý công trình đường bộ được quy định.

2. Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì công trình đường bộ và theo hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ.

3. Theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng các công trình được giao quản lý, kịp thời phát hiện các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; lập báo cáo định kỳ về tình hình chất lượng công trình đường bộ được giao quản lý, báo cáo đột xuất khi có xuất hiện hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông và an toàn công trình.

4. Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**Điều 28. Điều khoản thi hành**

1. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trần Báu Hà** |